TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT
Ngày: 15 - 01 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa .

Bà Đỗ Thị Thắm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2020 và 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2020/QĐ-PT ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị E; cư trú tại: Số 27 chợ P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà E: Ông Đỗ Văn P; cư trú tại: Số 27 chợ P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (giấy ủy quyền ngày 24/11/2020) (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Diệp T; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đỗ Văn P; cư trú tại: Số 27 chợ P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Bà Trần Thị Thu A; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.(có mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.(có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức B; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.(có mặt).

3. Bà Đỗ Thị Thiên H; cư trú tại: Số 428 đường N, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ch; cư trú tại: Số 255 Quốc lộ 1A, thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

5. Bà Lê Thị M; cư trú tại: Thôn Phú A, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị E là nguyên đơn, ông Nguyễn Diệp T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:

Bà là chị ruột ông Nguyễn Diệp T. Vào ngày 09/3/2001(ngày 15/02/2001 âm lịch), ông Nguyễn Diệp T đến nhà bà vay 70 chỉ vàng 24K (ông T có viết giấy mượn vàng đề ngày 09/3/2001), chồng của bà tên Đỗ Văn P trực tiếp giao vàng cho ông T. Việc vay vàng này hai bên không có thỏa thuận về lãi suất cũng như thời gian trả nợ.

Ngày 26/7/2012, bà có gửi thông báo yêu cầu ông T trả nợ cho bà 70 chỉ vàng 24K kể thời hạn từ ngày 26/7/2012 đến ngày 26/8/2012. Tuy nhiên, từ thời gian đó cho đến nay ông T chưa trả cho bà số vàng đã vay nói trên. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Diệp T và vợ là Trần Thị Thu A phải trả cho bà 70 chỉ vàng 24K đã mượn vào ngày 09/3/2001, trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 28/10/2012 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Diệp Văn T trình bày:

Ông là em ruột của bà Nguyễn Thị E. Bà E nghi ngờ chồng của bà là ông Đỗ Văn P ngoại tình nên nhiều lần mang tiền đến nhà của ông để gửi, có ghi sổ. Sau đó bà E căn cứ theo số tiền gửi để quy ra vàng. Vì sợ tiền mất giá, bà E có viết nháp trên tờ giấy tính nợ về các lần bà gửi tiền cho ông, bà tự viết, tự tính số tiền và sau khi tính xong thì tự gạch bỏ nội dung trên giấy tính tiền này, sau đó mới quy tổng số tiền này ra vàng, tổng cộng quy ra vàng là 07 cây vàng y (vàng 24K), rồi ông có viết giấy mượn vàng với nội dung có mượn bà E 07 cây vàng y, giấy này ông viết trong cuốn sổ (vở) kẻ ô vuông, viết tại nhà của ông Nguyễn Đức B (là cha ruột của ông) vào ngày 09/3/2001, có ông Bvà bà Nguyễn Thị L (là chị ruột của ông) chứng kiến, cuốn sổ này (bao gồm tờ giấy mượn vàng) giao cho bà L giữ. Vào năm 2003 ông có trả cho bà E 4,5 (bốn phảy năm) cây vàng 24K tại nhà ông B, có ông B và bà L chứng kiến. Vào năm 2009, tại nhà ông Nguyễn Đức B, ông trả cho bà E 2,5 (hai phảy năm) cây vàng 24K, có ông B và vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L chứng kiến. Các lần trả vàng vào năm 2003 và năm 2009 đều không có viết giấy tờ gì vì ông nghĩ là chỗ chị em ruột nên tin tưởng. Số vàng mượn nói trên là cá nhân ông mượn và đã trả xong, không liên quan gì đến vợ ông là bà Trần Thị Thu A. Việc bà E cho rằng ông mượn vàng 01 lần duy nhất tại nhà bà E với số vàng 07 cây vàng y, ông P chồng bà E là người trực tiếp đưa vàng cho ông là không đúng, ông không đồng ý nội dung này.

Nay bà Nguyễn Thị E yêu cầu vợ chồng ông trả số vàng 70 chỉ vàng 24K thì ông không đồng ý, vì số vàng trên ông đã trả hết cho bà E như đã trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn P trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Nguyễn Thị Em. Ông yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Diệp T và bà Trần Thị Thu A có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông bà số vàng đã mượn là 70 chỉ vàng 24k.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu A trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Nguyễn Diệp T. Ông T mượn vàng của bà Em không liên quan đến bà nên bà không đồng ý việc vợ chồng bà E, ông P yêu cầu bà phải trả nợ chung với ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 09/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E.

Buộc ông Nguyễn Diệp T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị E 70 chỉ vàng 24k về khoản nợ vay vàng đề ngày 09/3/2001.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị E, ông Đỗ Văn P về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu A (vợ ông Nguyễn Diệp T) cùng có nghĩa vụ với ông Nguyễn Diệp T trả nợ số vàng nêu trên, vì không có căn cứ pháp lý.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/9/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị E kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết xem xét buộc bà Trần Thị Thu A cùng có trách nhiệm trả nợ với ông Nguyễn Diệp T và yêu cầu hủy bỏ phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà phải chịu chi phí giám định chữ viết là 5.000.000 đồng.

Ngày 15/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Diệp T kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết xem xét xét xử lại toàn bộ nội dung vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị E, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Diệp T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 09/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Diệp T, HĐXX thấy rằng: Các bên đương sự đều thống nhất vào ngày 09/3/2001(ngày 15/02/2001 âm lịch), ông Nguyễn Diệp T có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị E số vàng là 70 chỉ vàng 24K, không có thỏa thuận về thời hạn trả vàng cũng không có thỏa thuận về việc tính lãi cũng như mức lãi suất. Việc vay vàng xuất phát từ việc bà E nhiều lần cho ông T vay tiền và sau đó tổng hợp quy tiền ra vàng (theo Kết luận giám định chữ viết của bà E số: 794/C09C (Đ6) ngày 06/9/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng) để ông T xác nhận vào giấy mượn vàng vào ngày 09/3/2001(ngày 15/02/2001 âm lịch). Ông T khẳng định đã trả đủ cho bà E 70 chỉ vàng và đưa ra các chứng cứ là: 02 đĩa ghi âm ghi các cuộc hội thoại cho rằng bà E thừa nhận việc ông T đã trả xong nợ và lời khai của những người làm chứng là cụ Nguyễn Đức B, vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C và bà Lê Thị Mi làm căn để chứng minh. Tuy các đoạn ghi âm các cuộc hội thoại không đủ chất lượng để giám định, nhưng cũng không

thể khẳng định giọng nói trong các đoạn ghi âm này không phải là của bà E và con gái là bà Đỗ Trần Thiên H. Mặt khác, lời khai của ông T phù hợp, thống nhất với lời khai của những người làm chứng là cụ B (BL: 12, 13, 287), ông K (BL: 14,15), bà L (BL: 16,17,18), bà C (BL: 41, 42), bà M (BL: 83, 84, 85) và phù hợp với chứng cứ là cuốn sổ ghi chép có dòng chữ: " K mượn chức (1 cây 1 chỉ)(7/6/09 D). T mượn (25 chỉ D)(7/6/09 D) do ông K ghi để theo dõi các khoản làm ăn của vợ chồng, tiện thể có ghi số vàng ông T mượn của cụ B để trả cho bà E (BL: 125,126,127). Hơn nữa, cụ Bá, bà L, bà C đều là ruột thịt của bà E, ông T và không có mâu thuẫn gì với bà E, những người này đều chứng kiến hoặc biết việc ông T trả vàng cho bà E tại nhà cụ B, đặc biệt là cụ B đã nhiều lần khẳng định là *cha ruột của bà E, ông T nên không bênh ai, bỏ ai* và khẳng định cụ và bà Lan đã chứng kiến việc bà Em quy tiền ra vàng, việc ông T viết nhận nợ và 02 lần ông T trả hết 70 chỉ vàng cho bà E, điều đó chứng tỏ lời ông T nại đã trả hết 70 chỉ vàng cho bà E là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc ông T chưa lấy lại giấy nhận nợ, để tuyên buộc ông T phải trả cho bà E 70 chỉ vàng mà không xem xét, đánh giá các chứng cứ, tình tiết khác trong vụ án là không có đủ cơ sở.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị E, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu buộc bà Trần Thị Thu A cùng có nghĩa vụ trả nợ chung với ông Nguyễn Diệp T: Do ông Nguyễn Diệp T đã trả cho bà Nguyễn Thị E 70 chỉ vàng nên kháng cáo của bà E về phần này không được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu hủy bỏ việc cấp sơ thẩm quyết định buộc bà Nguyễn Thị E phải chịu chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị E cho rằng cấp sơ thẩm buộc bà phải chịu chi phí giám định chữ viết 5.000.000 đồng là trái pháp luật, vì kết quả giám định không có bất cứ nội dung, kết luận nào chứng minh yêu cầu của ông T là có căn cứ. Tuy nhiên, ông T cho rằng 70 chỉ vàng ông mượn của vợ chồng bà E, là từ việc bà E nhiều lần gửi ông T tiền và tự bà E tổng hợp quy tiền ra vàng và viết ra tờ giấy, ông T đưa ra chứng cứ là tờ giấy nhưng bà E không thừa nhận là chữ viết của mình nên ông Tám đã yêu cầu giám định và kết quả giám định đúng là chữ viết của bà E và đây là căn cứ khẳng định có việc bà E tổng hợp tiền và quy ra vàng để ông T ghi nhận nợ 70 chỉ vàng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà E phải chịu 5.000.000 đồng chi phí giám định chữ viết theo Kết luận giám định số: 794/C09C (Đ6) ngày 06/9/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 161 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích trên HĐXX phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Diệp T là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Kháng cáo của bà Nguyễn

Thị E là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì bà Nguyễn Thị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Diệp T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Bà Nguyễn Thị E phải chịu 5.000.000 đồng chi phí giám định chữ viết, theo Kết luận giám định số: 794/C09C (Đ6) ngày 06/9/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng, ông T nộp số tiền nói trên nên bà E phải hoàn trả lại cho ông Tám số tiền này. Ông Nguyễn Diệp T phải chịu chi phí 02 lần giám định giọng nói, theo Kết luận giám định số: 464/C54 (P6) ngày 30/8/2016 của Viện khoa học hình sự thuộc Tổng cục cảnh sát và Kết luận giám định số: 2710/C54B ngày 15/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí giám

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Về việc giải quyết vụ án là không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị E. Chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Diệp T. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị E phải chịu 17.920.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm hai chục ngàn đồng) nhưng được trừ vào 8.225.000 đồng (Tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 007205 ngày 17/10/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Bà Nguyễn Thị E còn phải nộp 9.695.000 đồng (chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị E 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 0006852 ngày 23/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Diệp T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 0006853 ngày 23/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

2.3 Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị E phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Diệp T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí giám định chữ viết theo Kết luận giám định số: 794/C09C (Đ6) ngày 06/9/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa Đỗ Thị Thắm Võ Công Phương